

Bản án số: 31/2021/DS-ST

Ngày 25 – 8 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiền;
Bà H`Thủy Bon Jốc Ju.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Tống Mạnh Cường, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2020/TLST-DS, ngày 31/12/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17A/2021/QĐXXST-DS, ngày 30/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-DS, ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 130 Phan Đăng L, phường 3, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tân V (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2020) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 09 Phan Chu T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Y T và bà H`L – Đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon Đr, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2020, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Lê Tấn V trình bày:

Ngày 28/8/2017, ông Y T và bà H`L vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Đắk Lắk số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) theo hợp đồng vay vốn số N.2280/1217. Thời hạn 03 năm, lãi suất 10,5%/năm, hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 29/8/2020, mục đích vay để phục hồi chăm sóc vườn cà phê và tiêu dùng; Kỳ hạn trả nợ chia làm 03 đợt: Đợt 1: Vào ngày 29/8/2018 trả 75.000.000đ tiền gốc; Đợt 2: Vào ngày 29/8/2019 trả 90.000.000đ; Đợt 3: Vào ngày 29/8/2020 trả 130.000.000đ. Lãi trả định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 29.

Trong quá trình vay từ ngày 28/8/2017 đến ngày 10/7/2020 ông Y T và bà H`L chỉ trả được 48.150.000đ tiền gốc và lãi là 31.862.500đ, tổng cộng là: 80.012.500đ. Ông Y T và bà H`L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/8/2017, tính đến ngày 10/7/2020, ông Y T và bà H`L còn nợ ngân hàng TMCP A 255.000.000đ tiền gốc và lãi trong hạn là: 36.628.125đ, lãi quá hạn: 22.015.000đ, tổng cộng là: 313.643.125đ.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP A chi nhánh Đắk Lắk yêu cầu ông Y T và bà H`L thanh toán số tiền 313.643.125đ, trong đó tiền gốc 255.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 58.643.125đ và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Y T và bà H`L không thanh toán được nợ, Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đắk Lắk có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số N3844/TC17 ngày 28/8/2017 để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Bị đơn ông Y T và bà H`L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại Biên bản xác minh ngày 04/01/2021, công an thị trấn M cung cấp thông tin: Ông Y T và bà H`L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Đr, thị trấn M, huyện K. Hiện nay, ông Y T và bà H`L vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Y T và bà H`L theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi văn bản trình bày, thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Y T và bà H`L trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 340.636.688đ, trong đó tiền gốc là 239.000.000đ, lãi trong hạn là: 38.439.375đ; lãi quá hạn là: 63.197.313đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2021 đến ngày ông Y T, bà H`L cho đến khi trả xong các khoản nợ trên và giữ nguyên yêu cầu đối với xử lý tài sản thế chấp nếu ông Y T và bà H`L không trả nợ.

Bị đơn ông Y T và bà H`L vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thẩm tra viên đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn ông Y T và bà H`L vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Y T và bà H`L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A – chi nhánh Đắk Lắk tổng số tiền (theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện) với số tiền 340.636.688đ, trong đó tiền gốc là 239.000.000đ, lãi trong hạn là: 38.439.375đ; lãi quá hạn là: 63.197.313đ. Kể từ ngày 26/8/2021 cho đến khi thi hành xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn số N.2280/1217 ngày 28/8/2017.

Trường hợp ông Y T và bà H`L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N3844/TC17 ngày 28/8/2017 đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 25 diện tích 23.923m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA869810 do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 31/12/2015.

Buộc ông Y T, bà H`L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí Dân sự Sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ: Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 29/8/2017/ đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 28/8/2017; Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 28/8/2017; Quyết định số 240 ngày 22/7/1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 63 ngày 16/1/2016 ủy quyền thường xuyên cho ông Nguyễn Văn Mạnh tại các cơ quan pháp luật; Giấy chấp thuận mở chi nhánh của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 122 ngày 27/4/2016 V/v ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh Tùng thực hiện một số công việc tại cơ quan tư pháp; Quyết định số 76 ngày 14/7/2020 gia hạn thời gian giữ chức vụ của ông Nguyễn Văn Mạnh – Giám đốc chi nhánh Đắk Lắk; Quyết định số 21 ngày 14/7/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh Đắk Lắk ủy quyền cho ông Lê Tấn V; GCNQSDĐ số CA 869810 ngày 31/12/2015; Phô tô giấy chứng nhận kết hôn; Bản cam kết thế chấp QSDĐ ngày 31/8/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Bản photo các tài liệu sổ hộ khẩu Y T, CMND Y T; H`L; Bản sao biên bản làm việc ngày 10/6/2019. Đây là các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện ông Y T và bà H`L yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng vay số N.2280/1217 ngày 28/8/2017. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần A – chi nhánh Đắk Lắk, Ông Y T và bà H`L có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang ở tại Bon Đr, thị

trần M, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Biên bản xác minh của Công an thị trấn M thể hiện, ông Y T và bà H`Luôn có đăng ký hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống tại địa chỉ Bon Đr, thị trấn M, huyện Krông Nô nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và từ chối nhận văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Y T và bà H`L theo quy định tại Điều 179 của BLTTDS và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

[2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn N.2280/1217 ngày 28/8/2017, số tiền vay 300.000.000đ, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 3 năm. Hạn trả cuối cùng vào ngày 29/8/2020, mục đích vay chăm sóc cà phê và tiêu dùng. Kỳ hạn trả nợ là 03 đợt: Đợt 1: Vào ngày 29/8/2018 trả 75.000.000đ tiền gốc; Đợt 2: Vào ngày 29/8/2019 trả 90.000.000đ; Đợt 3: vào ngày 29/8/2020 trả 130.000.000đ. Lãi trả định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 29. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP A và bên vay là ông Y T và bà H`L. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[2.2.1]. Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông Y T và bà H`L trả số tiền: 313.643.125đ, trong đó tiền gốc: 255.000.000đ và lãi trong hạn là: 36.628.125đ, lãi quá hạn: 22.015.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn trình bày thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Y T và bà H`L thanh toán tiền gốc là 239.000.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử 25/8/2021. Xét thấy, nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP A không vượt quá yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Ông Y T và bà H`L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/8/2017. Do đó ngân hàng TMCP A khởi kiện, yêu cầu ông Y T và bà H`L thanh toán tiền gốc là 239.000.000đ là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[2.2.2]. Căn cứ mục 8 hợp đồng vay vốn N.2280/1217 ngày 28/8/2017, xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, của nguyên đơn đối với bị đơn thể hiện cụ thể tại bảng kê tính lãi được lập ngày 25/8/2021 với số tiền lãi còn nợ là 74.845.813đ là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số N3844/TC17, ngày 28/8/2017, thể hiện ông Y T và bà H`L thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Đắc T, thị trấn M, huyện K, Tỉnh Đắk Nông thuộc thửa đất số thửa đất 18 tờ bản đồ số 25 diện tích 23923m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 869810 UBND huyện K cấp ngày 31/12/2015.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2021 thể hiện: Kết quả kiểm tra thực địa và so sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ giải thửa thì thửa đất số 18 tờ bản đồ số 25 thuộc địa giới hành chính xã Tân T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, cho đến thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ thì chưa được bàn giao mốc giới. Thửa đất được cấp đúng vị trí, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, tờ bản đồ, giải thửa. Về diện tích thửa đất và các cạnh tiếp giáp phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 869810 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Y Têu và bà H Điện ngày 31/12/2015, tặng cho ông Y T và bà H` Luân theo hồ sơ biến động số 009126 ngày 21/01/2016, phù hợp với các tọa độ theo sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tài sản trên đất bao gồm cây cà phê kinh doanh, điều kinh doanh, xoài.

Xét thấy việc ông Y T và bà H`L thế chấp các quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng vay vốn số: N.2280/1217 ngày 28/8/2017. Vì vậy, trường hợp ông Y T và bà H`L không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Y T và bà H`L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), do đó cần buộc ông Y T và bà H`L phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

[4]. Án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Y T và bà H`L phải chịu án phí DSST là 17.032.000đ (*Mười bảy triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng làm tròn số*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A 7.841.000đ (*Bảy triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004023 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 147; Điều 155; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Y T và bà H`L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 340.636.688đ (*Ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc là 239.000.000đ (*Hai trăm ba mươi chín nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn là: 38.439.375đ (*Ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*); lãi quá hạn là: 63.197313đ (*Sáu mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm mười ba đồng*) tính đến ngày 25/8/2021.

Kể từ ngày 26/8/2021 cho đến khi thi hành xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn N.2280/1217 ngày 28/8/2017 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp ông Y T và bà H`L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N3844/TC17 ngày 28/8/2017 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Y T và bà H`L phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

3. Án phí dân sự: Ông Y T và bà H`L phải nộp số tiền 17.032.000đ (*Mười bảy triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 7.841.000đ (*Bảy triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004023 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hải Âu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ